

**BIỂU TỔNG HỢP BÁO CÁO KẾT QUẢ**  
**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI THÁNG 7 NĂM 2024**  
 (Kèm theo Báo cáo số 454/BC-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của UBND huyện)

TT	Tên dự án	Đơn vị thực hiện (chủ đầu tư)	Chuyển nguồn từ năm 2023 sang 2024				Kế hoạch vốn năm 2024										Kinh phí giải ngân đến 30/7/2024						Chỉ chú
			Tổng cộng	Sự nghiệp	Đầu tư	Nguồn NSDP	Tổng cộng	Kinh phí đã phân bổ				Kinh phí chưa phân bổ			Tổng cộng	Kinh phí giải ngân chuyển nguồn từ năm 2023 sang năm 2024			Kinh phí giải ngân năm 2024				
								Cộng	Sự nghiệp	Đầu tư	Nguồn NSDP	Cộng	Sự nghiệp	Đầu tư		Tổng cộng	Sự nghiệp	Đầu tư	Tổng cộng	Sự nghiệp	Đầu tư	Nguồn NSDP	
			4=5+6	5	6	7	8=9+13	9=10+11+12	10	11	12	13=14+15	14	15	16=17+20	17=18+19	18	19	20=21+22+2	21	22	23	
	<b>Huyện Phong Thổ</b>		<b>32.401,5</b>	<b>29.398,4</b>	<b>2.639,1</b>	<b>364,0</b>	<b>127.736,0</b>	<b>95.943,5</b>	<b>28.028,5</b>	<b>67.292,0</b>	<b>623,0</b>	<b>31.792,5</b>	<b>30.475,5</b>	<b>1.317,0</b>	<b>34.537,8</b>	<b>995,6</b>	<b>915,6</b>	<b>80,0</b>	<b>33.542,2</b>	<b>300,0</b>	<b>33.242</b>	-	
<b>I</b>	<b>Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt</b>		<b>680,0</b>	-	<b>680,0</b>		<b>5.942,0</b>	<b>4.625,0</b>	<b>3.105,0</b>	<b>1.520,0</b>	-	<b>1.317,0</b>	-	<b>1.317,0</b>	<b>80,0</b>	<b>80,0</b>	-	<b>80,0</b>	-	-	-	-	
1	Hỗ trợ đất ở	UBND các xã								-													
2	Hỗ trợ nhà ở	UBND các xã	680,0		680,0		1.520,0	1.520,0		1.520,0					80,0	80,0		80,0					
	Hỗ trợ nhà ở	UBND xã Sin Suối Hồ				200,0	200,0		200,0														
	Hỗ trợ nhà ở	UBND xã Mỏ Sỉ San				200,0	200,0		200,0														
	Hỗ trợ nhà ở	UBND xã Đào San				560,0	560,0		560,0														
	Hỗ trợ nhà ở	UBND xã Hoàng Thèn				560,0	560,0		560,0														
	Hỗ trợ nhà ở	UBND xã Mường Sô	80,0		80,0																		
	Hỗ trợ nhà ở	UBND xã Sỉ Lơ Lầu	80,0		80,0									80,0	80,0		80,0						
	Hỗ trợ nhà ở	UBND xã Bản Lang	520,0		520,0																		
3	Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề						2.922,0	1.605,0	1.605,0				1.317,0		1.317,0								
	Hỗ trợ đất sản xuất	UBND các xã					1.317,0							1.317,0									
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Phòng Dân tộc					1.605,0	1.605,0	1.605,0														
4	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt						1.500,0	1.500,0	1.500,0														
	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	Phòng Dân tộc																					
	Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung	Ban QLDA huyện					1.500,0	1.500,0	1.500,0														
<b>II</b>	<b>Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết</b>	Ban QLDA huyện					<b>11.853,0</b>	<b>11.853,0</b>	<b>104,0</b>	<b>11.749,0</b>					<b>2.000,0</b>						<b>2.000</b>		
	<b>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024</b>																						
	Bố trí sắp xếp ổn định dân cư tập trung vùng thiên tai bản Cán Cầu - xã Sin Suối Hồ	Ban QLDA huyện					9.000,0	9.000,0		9.000,0					2.000,0						2.000		
	<b>Các dự án chuyển tiếp</b>																						
	Sắp xếp ổn định dân cư bản Khu Bình An (bản Mán Tiên) xã Bản Lang	Ban QLDA huyện					2.749,0	2.749,0		2.749,0													
<b>III</b>	<b>Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị</b>		<b>21.525,1</b>	<b>20.497,1</b>	<b>1.028,0</b>		<b>37.214,0</b>	<b>11.993,0</b>	<b>10.233,0</b>	<b>1.760,0</b>				<b>25.221,0</b>	<b>25.221,0</b>								
<b>III.1</b>	<b>Tiểu dự án 1: Phát triển KT nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</b>	<b>Ban QLDPH</b>	<b>14.331,0</b>	<b>14.331,0</b>			<b>24.221,0</b>							<b>24.221,0</b>	<b>24.221,0</b>								
<b>III.2</b>	<b>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&amp;MN</b>		<b>7.194,1</b>	<b>6.166,1</b>	<b>1.028,0</b>		<b>12.993,0</b>	<b>11.993,0</b>	<b>10.233,0</b>	<b>1.760,0</b>				<b>1.000,0</b>	<b>1.000,0</b>								
	Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	Trung tâm DVNN	3.231,1	3.231,1			5.823,0	5.823,0	5.823,0														
	Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất đa dạng hóa sinh kế	UBND các xã					4.000,0	4.000,0	4.000,0														
	UBND xã Đào San						500,0	500,0	500,0														
	UBND xã Mỏ Sỉ San						500,0	500,0	500,0														
	UBND xã Huổi Luông						500,0	500,0	500,0														
	UBND xã Hoàng Thèn						500,0	500,0	500,0														
	UBND xã Bản Lang						500,0	500,0	500,0														
	UBND xã Mường Sô						500,0	500,0	500,0														
	UBND xã Sin Suối Hồ						500,0	500,0	500,0														
	UBND xã Lán Nhì Thàng						500,0	500,0	500,0														
	<b>Các dự án chuyển tiếp</b>																						
	Nội dung 2: Đầu tư, hỗ trợ vùng trồng được liệu quý		3.963,0	2.935,0	1.028,0		2.760,0	1.760,0		1.760,0				1.000,0	1.000,0								
	Đầu tư, hỗ trợ vùng trồng được liệu quý	UBND xã Mỏ Sỉ San	2.935,0																				
	Nước khu sản xuất được liệu Mỏ Sỉ San	UBND xã Mỏ Sỉ San	1.028,0																				
	Đường vùng được liệu xã Sỉ Lơ Lầu, huyện Phong Thổ	Ban QLDA huyện					1.760,0	1.760,0		1.760,0													
	Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN	Phòng KT-HT					410,0	410,0	410,0														
<b>IV</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&amp;MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực công tác dân tộc</b>		<b>2.127,3</b>	<b>1.418,2</b>	<b>709,1</b>		<b>51.641,0</b>	<b>51.641,0</b>	<b>4.786,0</b>	<b>46.855,0</b>					<b>28.250,3</b>	<b>656,3</b>	<b>656,3</b>				<b>27.594,0</b>	<b>27.594</b>	
	<b>* Nguồn đầu tư</b>	<b>Ban QLDA huyện</b>	<b>709,1</b>		<b>709,1</b>		<b>46.855,0</b>	<b>46.855,0</b>		<b>46.855,0</b>					<b>27.594,0</b>						<b>27.594</b>		
	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2024	Ban QLDA huyện	709,1		709,1		29.550,0	29.550,0		29.550,0					15.666,5						15.666,5		

TT	Tên dự án	Đơn vị thực hiện (chủ đầu tư)	Chuyển nguồn từ năm 2023 sang 2024				Kế hoạch vốn năm 2024										Kinh phí giải ngân đến 30/7/2024								Ghi chú
			Tổng cộng	Sự nghiệp	Đầu tư	Nguồn NSDP	Tổng cộng	Kinh phí đã phân bổ				Kinh phí chưa phân bổ			Tổng cộng	Kinh phí giải ngân chuyển nguồn từ năm 2023 sang năm 2024			Kinh phí giải ngân năm 2024						
								Cộng	Sự nghiệp	Đầu tư	Nguồn NSDP	Cộng	Sự nghiệp	Đầu tư		Tổng cộng	Sự nghiệp	Đầu tư	Tổng cộng	Sự nghiệp	Đầu tư	Nguồn NSDP			
																							Tổng cộng	Sự nghiệp	
	Nâng cấp, cải tạo các công trình đường GTNT: Hóp 1 - Sĩ Phái và đường Đèn Tháng B - Sênh Sáng B, xã Đào Sơn	Ban QLDA huyện				2.000,0	2.000,0	2.000,0					1.494,1				1.494,1	1.494							
	Nâng cấp, cải tạo các công trình đường GTNT: Từ bản Pá Chải đến Hoàng Liên Sơn 1 và đường từ bản Van Hồ 2 đến bản Nậm Xe, xã Nậm Xe	Ban QLDA huyện				6.000,0	6.000,0	6.000,0					3.599,4				3.599,4	3.599							
	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã từ bản Lũng Than đến Trung tâm xã Mù Sang	Ban QLDA huyện				4.250,0	4.250,0	4.250,0					3.690,0				3.690,0	3.690							
	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã từ bản Sàng Sang 2 đến Trung tâm xã Mù Sang	Ban QLDA huyện	709,1		709,1	2.000,0	2.000,0	2.000,0					-				-								
	Nâng cấp, cải tạo các công trình đường GTNT: Tinh lộ 132 đến bản Tả Lêng Sung và đường từ bản Bàn Lang 2 - khu sản xuất Vàng Ý Chí - bản Sàng Giang, xã Bàn Lang	Ban QLDA huyện				5.400,0	5.400,0	5.400,0					3.564,0				3.564,0	3.564							
	Nâng cấp, cải tạo các công trình đường GTNT: Bản Cán Hồ, xã Sin Suối Hồ và đường đi bản Sáo Xiên Pho (nhóm 2), xã Lán Nhi Thăng	Ban QLDA huyện				2.500,0	2.500,0	2.500,0					1.616,7				1.616,7	1.617							
	Nâng cấp đường GTNT Ma Ly Pho - Hùng Pèng	Ban QLDA huyện				2.000,0	2.000,0	2.000,0					1.585,8				1.585,8	1.586							
	Sửa chữa, nâng cấp cụm công trình thủy lợi xã Nậm Xe	Ban QLDA huyện				3.000,0	3.000,0	3.000,0					-				-								
	Sửa chữa, nâng cấp cụm công trình thủy lợi xã Hoàng Thèn	Ban QLDA huyện				2.400,0	2.400,0	2.400,0					116,5				116,5	116							
	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>	<i>Ban QLDA huyện</i>				-	-	13.705,0					9.404,0				9.404,0	9.404							
	Đường điện sinh hoạt các bản: Nà Giang, Mả Nghê, bản Pho, Bản Lang 2, Nà Củng	Ban QLDA huyện						950,0					349,0				349,0	349							
	Nâng cấp, cải tạo các công trình đường GTNT: Bản Khoa Sơn, đường ra khu sản xuất bản Nhóm 2, xã Vàng Ma Chải	Ban QLDA huyện						3.500,0					-				-								
	Nâng cấp, cải tạo, cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã từ bản Nậm Cây đến trung tâm xã Mù Sang - bản Sin Cai	Ban QLDA huyện						9.055,0					9.055,0				9.055,0	9.055							
	Bổ sung hệ thống lưới điện cho các hộ gia đình các bản Vàng Bâu, Nà Củng, Huổi Sen và bản Phiêng Danh	Ban QLDA huyện						200,0					-				-								
	<i>Các dự án khởi công mới năm 2024</i>	<i>Ban QLDA huyện</i>						3.600,0					2.523,5				2.523,5	2.523							
	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông đến trung tâm xã Tung Qua Lín	Ban QLDA huyện						485,0					262,1				262,1	262							
	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT bản Pò Xa	Ban QLDA huyện						100,0					90,5				90,5	90							
	Sửa chữa hệ thống kênh mương bản Lán Nhi Thăng	Ban QLDA huyện						450,0					275,1				275,1	275							
	Sửa chữa, nâng cấp cụm công trình thủy lợi xã Mỏ Sĩ Sơn	Ban QLDA huyện						652,0					440,7				440,7	441							
	Sửa chữa, nâng cấp cụm công trình thủy lợi xã Tung Qua Lín	Ban QLDA huyện						450,0					254,5				254,5	255							
	Sửa chữa, nâng cấp cụm công trình thủy lợi xã Sin Suối Hồ	Ban QLDA huyện						598,0					415,1				415,1	415							
	Kéo điện khu vực giãn dân bản Hoàng Thèn	Ban QLDA huyện						100,0					100,0				100,0	100							
	Kéo điện khu vực giãn dân bản Xin Chải - Mỏ nước bản Xin Chải	Ban QLDA huyện						100,0					100,0				100,0	100							
	Trạm biến áp tại điểm trên bản Nhóm 1	Ban QLDA huyện						124,0					124,0				124,0	124							
	Bổ sung hệ thống lưới điện cho các hộ gia đình các bản Mù Sang, Sin Chải và Làng Than	Ban QLDA huyện						176,0					176,0				176,0	176							
	Chợ Sĩ Lở Lầu	Ban QLDA huyện						100,0					100,0				100,0	100							
	Sửa chữa, nâng cấp cụm công trình thủy lợi xã Pa Vây Sứ	Ban QLDA huyện						265,0					185,5				185,5	185							
	<i>* Nguồn sự nghiệp thực hiện tiền dự án 1</i>							-					-				-								
	Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	UBND các xã	1.418,2	1.418,2	-	4.786,0	4.786,0	4.786,0	-				656,3	656,3	656,3	-	-	-							
	Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	xã Đào Sơn				1.000,0	1.000,0	1.000,0					-				-								
	Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	Xã Huổi Luông				1.300,0	1.300,0	1.300,0					-				-								
	Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	Xã Hoàng Thèn				400,0	400,0	400,0					-				-								
	Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	Xã Mường So				586,0	586,0	586,0					-				-								
	Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	Xã Sin Suối Hồ				550,0	550,0	550,0					-				-								
	Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	Xã Lán Nhi Thăng				950,0	950,0	950,0					-				-								
	<i>Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&amp;MN</i>	<i>xã Mỏ Sĩ Sơn</i>	<i>900,0</i>	<i>900,0</i>									656,3	656,3	656,3										
	Duy tu, bảo dưỡng đường ra khu sản xuất Tả Pho, bản Mỏ Sĩ Sơn, xã Mỏ Sĩ Sơn	xã Mỏ Sĩ Sơn		441,4	441,4								322,2	322,2	322,2										
	Duy tu, bảo dưỡng đường ra khu sản xuất Tả Hồ Thầu, xã Mỏ Sĩ Sơn	xã Mỏ Sĩ Sơn		374,9	374,9								274,7	274,7	274,7										
	Duy tu, bảo dưỡng đường GTNT bản Sáo Hồ Thầu, xã Mỏ Sĩ Sơn	xã Mỏ Sĩ Sơn		83,7	83,7								59,3	59,3	59,3										
	Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	xã Pa Vây Sứ		413,2	413,2								-				-								
	Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	xã Bàn Lang		105,0	105,0								-				-								





TT	Tên dự án	Đơn vị thực hiện (chủ đầu tư)	Chuyển nguồn từ năm 2023 sang 2024				Kế hoạch vốn năm 2024							Kinh phí giải ngân đến 30/7/2024							Ghi chú			
			Tổng cộng	Sự nghiệp	Đầu tư	Nguồn NSDP	Tổng cộng	Kinh phí đã phân bổ				Kinh phí chưa phân bổ			Tổng cộng	Kinh phí giải ngân chuyển nguồn từ năm 2023 sang năm 2024			Kinh phí giải ngân năm 2024					
								Cộng	Sự nghiệp	Đầu tư	Nguồn NSDP	Cộng	Sự nghiệp	Đầu tư		Tổng cộng	Tổng cộng	Sự nghiệp	Đầu tư	Tổng cộng		Sự nghiệp	Đầu tư	Nguồn NSDP
X.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của NCUT; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&N giai đoạn 2021-2030	542,1	332,8	332,8		528,0	519,5	519,5	-	-	8,5	8,5	-	371,1	71,1	71,1		300,0	300,0					
	Nội dung 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của NCUT; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&N giai đoạn 2021-2030	Phòng Dân tộc, phòng Tư pháp	332,8	332,79		228,0	219,5	219,5			8,5	8,5		71,1	71,1	71,1		-						
	Nội dung 2: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS													-										
-	Nội dung số 3: Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thu hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào DTTS	Phòng Tư pháp, UBND các xã		-		-	-							-				-						
-	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng; tổ chức các hoạt động gặp mặt, tọa đàm, giao lưu đối với lực lượng cốt cán và người uy tín	Công an huyện		-		300,0	300,0	300,0						300,0				300,0	300,0					
X.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	Phòng Dân tộc	290,1	290,1		252,0	252,0	252,0						-				-						